TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THUỶ** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2018
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THUỶ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Sơn
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Trà Giang
2. Ông Lê Thuận Sơn
Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Linh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 24/8/2018, tại Hội trường, Toà án nhân dân huyện Lệ Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLS-HNGĐ ngày 15/5/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991.
Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình.
Tạm trú tại: Thôn T, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hữu T, sinh năm 1987.
Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 15/5/2018, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Phạm Hữu T tìm hiểu và quyết định kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2013, quyển số 01/2013 ngày 24/7/2013 của UBND xã N, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, anh T thường xuyên say xỉn về nhà gây gổ, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải nhau mà không ai nhường nhịn ai.

Tháng 02/2018, anh T đuổi chị ra khỏi nhà, chị về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn anh Phạm Hữu T trình bày: Quá trình kết hôn giống như chị Đ trình bày, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, chị Đ là vợ nhưng không quan tâm đến chồng; anh thừa nhận thỉnh thoảng có uống rượu nhưng không say xỉn và không gây gổ với chị Đ. Anh và chị sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Anh T xác định mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên đồng ý ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Chị Đ, anh T cùng khai có 01 con chung tên là Phạm Ngọc Tú U, sinh ngày 23/11/2014 hiện nay đang sống cùng chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U vì cháu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Chị Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), thời gian kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Anh T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Phạm Ngọc Tú U vì hiện tại anh là lao động tự do nên anh có thời gian, điều kiện chăm sóc, đưa đón con tốt hơn chị Đ vì chị Đ là công nhân may, hạn chế về thời gian hơn anh. Anh T không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ, anh T cùng khai không có nợ chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hữu T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh, chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về tính cách, thiếu thông cảm chia sẽ những khó khăn trong cuộc sống, vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc nhưng cả anh và chị đều không biết cách bảo vệ hạnh phúc lâu dài, anh trình bày chị không quan tâm đến anh, chị trình bày anh không quan tâm đến chị và uống rượu say xỉn về gây gỗ chị chứng tỏ vợ chồng không hợp tính tình và không ai quan tâm đến ai. Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Đ vẫn giữ nguyên ý chí ly hôn vì chị xác định không còn tình cảm với anh T và anh T

cũng nhất trí ly hôn với chị Đ vì xác định mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Đ, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc Tú U chứng tỏ cả anh và chị đều rất quan tâm và thương yêu con. Tuy nhiên cháu U đang còn nhỏ, cháu chưa tròn 04 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Chị Đ là công nhân công ty may gần nhà nên giờ giấc ổn định, đảm bảo cho việc chăm sóc và nuôi dạy con. Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng anh gián tiếp nuôi con bằng việc cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cháu U cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu U cùng chị Đ mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu U tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị khai không có nợ chung, không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Hữu T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Ngọc Tú U, sinh ngày 23/11/2014 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, buộc anh Phạm Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Số tiền chị Đ phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thuỷ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2017/0001771 ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/8/2018) để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VP.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**
Lê Thuận Sơn	**Lê Thị Trà Giang** **Nguyễn Ngọc Sơn**